

Nguyễn Duy Chính

CHÙA THIẾU LÂM VÀ VÕ THUẬT TRUNG HOA



Võ thuật là một sản phẩm văn hóa đặc trưng chỉ con người mới có, nghĩa là sức mạnh của chúng ta không ngừng lại ở giới hạn bẩm sinh như các loài cầm thú mà có thể tập luyện cho tiến triển hơn, thu nhập kinh nghiệm và kiến thức, kỹ thuật từ người khác rồi lại biết gia giảm chế biến cho phù hợp với hoàn cảnh của mỗi người. Võ thuật lại biến chuyển theo từng nơi, từng thời đại nhưng tới nay rất ít tài liệu viết một cách khoa học và đầy đủ như những bộ môn khác. Thành thử việc viết về võ thuật sẽ rơi vào một trong hai thái cực, một bên huyền thoại hóa công phu quyền cước thành những dật sự ly kỳ, một bên lại gần như phủ nhận triệt để không còn giá trị gì bao nhiêu. Cứ như các nhà nghiên cứu, nguyên thủy của võ thuật có thể bắt nguồn từ những động tác múa may của các chiến sĩ khi ăn mừng chiến thắng hay trong các dịp tế lễ. Những động tác đó có thể có cảm binh khí và thường xuất hiện trong những hình vẽ thời thái cổ. Trên trống đồng Ngọc Lũ tìm thấy tại miền Bắc Việt Nam cũng có những hình người đầu đội mũ lông chim, tay cầm giáo trong một buổi lễ mà người ta cho rằng để cầu mưa vì trống đồng chính là một nhạc khí dùng trong dịp đảo vũ (rain dance).

VÕ LÀ GÌ?

Cứ theo từ nguyên chữ Hán, Thuyết Văn Giải Tự của Hứa Thận đời Hậu Hán đã định nghĩa là:

“Võ giả, vũ dã, chỉ qua dã, nãi chấn vũ họa loạn, bình định họa loạn chi hậu, khôi phục nhân đạo chi căn bản, ái vũ thống nhất địch nhân, thực vi võ chi bản nghĩa.”

(Võ là vũ về, ngừng chiến tranh, sau khi loạn lạc được bình định rồi quay về với căn bản của con người, yêu thương thân ái với kẻ địch chính là nghĩa gốc của võ vậy)

Chữ Hán viết Võ bao gồm một bên chữ Chỉ (ngừng lại), một bên chữ Qua (giáo mác) nghĩa là ngừng chiến đấu, ngừng tấn công. Định nghĩa đó là do người đời sau nâng cao ý nghĩa của chữ Võ chứ thực tế chữ Võ nguyên thủy là hình người cầm vũ khí, võ nghệ là để chiến đấu và trong chiến đấu, khởi đầu luôn luôn là do cái tâm hiếu thắng. Chính vì thế người ta vẫn tự hỏi tại sao võ thuật lại phát triển nơi các chùa chiền, đạo quan, tu viện vốn dĩ là nơi mà con người truy cầu bình an, xa lánh thế tục, cố gắng dứt bỏ lục dục thất tình?

Khi truyền qua Âu Mỹ, võ thuật được dịch thành martial arts hay Kungfu dịch âm hai chữ công phu của Tàu. Công phu thì Việt Nam ta ai cũng biết là một nỗ lực, cố gắng trường kỳ, liên tục (something which takes a great deal of time and efforts to accomplish) và có thể áp dụng vào mọi ngành, mọi việc nếu muốn làm cho đến nơi đến chốn.

Còn người Việt chúng ta thì định nghĩa võ (hay vũ) rất đơn giản. Theo Việt Nam tự điển của hội Khai Trí Tiến Đức (Trung Bắc Tân Văn Hà Nội 1931) Vũ (võ) là dùng uy lực mà làm cho người ta phục, trái với văn (tr. 641). Đại Từ Điển tiếng Việt của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo (Nhà Xuất Bản Văn hóa

Thông tin Hà Nội 1998) thì định nghĩa là “lối đánh nhau bằng tay không hoặc có côn, kiếm ...”(tr 1820).

VÕ THUẬT TRUNG HOA, HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Cứ theo sách vở còn ghi lại, võ thuật Trung Hoa ở thời xa xưa rất mơ hồ và mỗi người lại hiểu theo một cách. Phần lớn những dật sự đều do khẩu truyền từ đời nọ sang đời kia, mà việc truyền miệng đó rất dễ dàng thêm bớt, bóp méo, tô điểm hay dấu điểm nên mười phần không tin được một.

Võ thuật Trung Hoa sau khi đã đi qua giai đoạn thực dụng của nó là để tự vệ, sinh tồn cũng trở thành một phần bộ của văn hóa với tất cả những di sản và tương quan xa gần của đời sống. Người ta đã đem thuyết âm dương, ngũ hành, tam tài, bát quái của Dịch lý, cộng thêm những phép thở hút của khí công Đạo gia, Phật gia, rồi kinh mạch huyết đạo, các loại thuốc men, xoa bóp, tẩm luyện của y khoa vào làm giàu cho võ thuật. Đó là chưa kể một số ma thuật, bùa chú cũng được sử dụng trong một số môn phái. Xa hơn nữa, người ta còn thêm vào những trận pháp, lấy một chống đông hay lấy đông người chống đông người. Mỗi một công phu luyện tập lại được kỳ bí hóa để trở thành một “tuyệt kỹ” mà chúng ta thường thấy trong các tiểu thuyết võ hiệp.

Thực tế võ thuật như thế nào là một câu hỏi mà nhiều người vẫn còn đang đi tìm. Võ thuật sẽ đi về đâu, võ ngày nay hay hơn hay kém hơn ngày xưa? Có còn ích lợi gì nữa không ngoài việc vận động cho thân thể dẻo dai, khỏe mạnh?

Một cách tổng quát, võ thuật là sản phẩm của văn hóa và văn minh không thể tách rời với đời sống thực tế bị giới hạn trong những thành tựu mà con người có thể đạt tới mà thôi. Hơn nữa, võ thuật cũng là một mớ kiến thức và kinh nghiệm cho nên chỉ có thể truyền thụ mà không thể thừa hưởng tích lũy

như tài sản. Để có một cái nhìn nghiêm chỉnh về vấn đề này, chúng ta trước hết phải sáng suốt đặt một số câu hỏi và đừng để rơi vào những khẳng định vô căn cứ.

Nhiều câu hỏi được đặt ra cho bất cứ ai muốn tìm hiểu võ Tàu:

- Có những công phu thần kỳ như tiểu thuyết miêu tả không?
- Thực sự môn phái được xây dựng như thế nào? Có những kỳ kinh bảo cấp tập luyện vài năm sẽ thành cao thủ hay không?
- Bảy mươi hai tuyệt kỹ của phái Thiếu Lâm như thế nào?
- Nội công, công lực, nội kinh ... ra sao? Nội ngoại công có giới hạn hay vô hạn?
- Có thực sự càng già thì nội công càng tinh thâm, càng khỏe hơn người còn trẻ?
- Võ Tàu và võ Việt Nam có liên hệ gì chẳng? Việt Nam có những môn phái nào?
- Võ thuật và chiến đấu trong quân sự có khác biệt gì? Các loại kiếm trận, quyền trận có hay không?

Lịch sử:

Việc con người tìm cách bảo vệ mình trong việc chiến đấu chống dã thú hay kẻ thù là một chuyện hiển nhiên nhưng những phương thức chiến đấu ấy được hệ thống hóa thành một tiến trình chắc phải mất một thời gian lâu và tới khi con người có đủ trình độ để thêm bớt, lưu truyền chắc phải cần cả những tiên bộ khác của xã hội.

Trong thời thái cổ, những người được kính trọng nhất là những đồng cốt, thầy bùa, thầy pháp ... là người coi như có liên hệ với thần linh. Những “thầy pháp” đó thường có nhiều pháp thuật, kể cả việc bào chế thuốc men, chữa bệnh, cầu cúng và thường thường là một đạo sĩ, tu sĩ. Những nghi thức chữa

bệnh thường kèm theo những động tác nhảy múa để trừ tà mang một hình thái đặc biệt và cũng phải tập luyện cho thuần thục, nhịp nhàng, ít nhiều liên quan đến vũ nhạc để biến thái thành võ nghệ.

Thời Xuân Thu, Chiến Quốc nho gia đã đề cập đến lục nghệ (lễ nhạc xạ ngự thư số) trong đó việc bắn cung và cưỡi ngựa là hai bộ môn liên quan đến chiến đấu. Sử sách cũng ghi chép những truyện về những “gia khách”, một loại người đi lang thang khắp nơi, ai dùng thì ở, sử dụng như một thứ lính đánh thuê. Những người đó dĩ nhiên phải có sức khỏe hơn người nhưng kỹ thuật chiến đấu thế nào, do thiên bẩm hay được truyền thụ thì vẫn còn là một vấn đề.

Thời Bắc Ngụy, nhà sư Đạt Ma từ Thiên Trúc sang truyền đạo có dạy ít nhiều kỹ thuật chiến đấu và phương pháp làm cho thân thể khỏe mạnh để đủ sức tu tập chống với giá rét. Những phương pháp đó có ít nhiều phát nguồn từ phép Du Già (Yoga) của Ấn Độ mà ngày nay còn thịnh hành. Thời Nam Bắc Triều, dưới đời Lương Võ Đế ở Giang Nam có Trình Linh Tảo dạy Thái Cực Công.

Tới đời Đường các nhà sư chùa Thiếu Lâm giúp Tần Vương chống với Vương Thế Sung và chính từ đó danh tiếng chùa chiến mới vang dội, coi như nguồn gốc của võ học.

Tương truyền Tống Thái Tổ sau khi bình định các nơi, thống nhất đất nước, coi trọng các hiệp khách nên gia tâm phổ biến võ nghệ. Bài trường quyền được lưu truyền đã coi ông như tổ sư nên được gọi là Thái Tổ Trường Quyền. Cuối đời Nam Tống, Nhạc Phi (Vũ Mục) cũng dùng võ thuật huấn luyện binh sĩ nên cũng được coi là tổ sư của Hình Ý Quyền. Ngoài ra còn có Trương Tam Phong, một đạo sĩ nổi danh giúp quan binh giết giặc cỏ chặn đường khi về triều châu vua Huy Tông nên cũng thành tổ sư phái Võ Đang. Sang đời Minh, danh tướng Thích Kế Quang đem võ Thiếu Lâm dạy cho

binh lính bình định được đám giặc cướp miều duyên hải (oải khấu, giặc lùn tức người Nhật làm cướp biển), để lại bộ Kỹ Hiệu Binh Thư. Khi nhà Minh bị thua trong dân gian cũng có những người tập võ mong dùng làm phương tiện để đuổi ngoại xâm nhưng không đi đến đâu. Đó cũng là nguyên nhân tại sao thời Thanh sơ phong khí võ thuật lại thịnh hành.

Đời Thanh có Cam Phượng Trì, Thạch Đạt Khai được triều đình sai thành lập Thiện Phác Cung, tập hợp hơn hai trăm giáo đầu chuyên về chiến đấu, đánh vật với các võ sĩ Mông Cổ.

Đời Dân Quốc võ thuật cũng một thời phát đạt. Danh gia võ thuật ở Thiên Tân là Thôi Nguyên Giáp đứng ra thành lập Tinh Võ Thể Dục Hội tại Thượng Hải rồi lan ra có các phân hội ở Hán Khẩu, Quảng Châu, Hạ Môn. Năm 1918, Trung Hoa Võ Thuật Hội thành lập ở Thượng Hải và cùng năm đó Bộ Giáo Dục chính quyền Dân Quốc ra thông tư kêu gọi các trường học phải thêm vào môn huấn luyện võ thuật. Năm 1924, tại đại hội giáo dục ở Võ Xương có biểu diễn võ thuật. Năm 1928, Nữu Vĩnh Kiến, Trương Chi Giang thành lập Trung Ương Quốc Thuật Quán ở Nam Kinh. Năm 1920, một lần nữa bộ Giáo Dục lại yêu cầu các trường tăng thêm một giờ võ thuật và vì thế tỉnh nào cũng có Võ Thuật Quán, tập hợp các võ sư trong vùng để nghiên cứu và phổ biến.

Khi Trung Cộng chiếm được chính quyền, các bộ môn võ thuật không được lưu tâm, những nơi mang danh nguồn gốc võ học như Võ Đương, Thiếu Lâm còn bị cấm đoán vì thành phần tăng lữ, đạo sĩ bị coi là phi sản xuất, ăn bám xã hội, truyền bá mê tín dị đoan. Chùa Thiếu Lâm to lớn là thế mà đến thập niên 80's chỉ còn độ mười nhà sư già sống hủu như không ai biết đến[1]. Ở Đài Loan và các cộng đồng người Hoa hải ngoại thì phong khí võ thuật trở nên thịnh hành nhất là những thập niên 60, 70 khi có phong trào tiểu thuyết kiếm hiệp, phim ảnh võ thuật rầm rộ khiến thanh niên chuyên

tâm nghiên cứu nhiều và phong trào tập võ lan rộng ra cả các nước Âu Mỹ.

Võ thuật Trung Hoa như thế nào?

Cứ như suy đoán của những nhà nghiên cứu, võ thuật Trung Hoa bắt đầu bằng tập hợp những kinh nghiệm trong chiến đấu với thú dữ và với các bộ lạc khác để sinh tồn. Việc tích lũy kiến thức của nhiều đời, trong đó việc bắt chước muông thú đóng một vai trò đáng kể chứ không phải chỉ do một tổ sư nào đó nghĩ ra rồi truyền lại. Từ chân tay đến sử dụng binh khí và nung theo những phương tiện chiến đấu như xe, ngựa càng ngày càng thêm phát triển.

Về phương diện quyền lý, ngoài công phu của đạo gia và thiền gia, võ thuật Trung Hoa cũng là một chi lưu của văn hóa, thành thử lại gắn chặt với thuyết âm dương ngũ hành, tam tài bát quái phối hợp thêm kỹ thuật luyện gân xương và huyết đạo trong y học. Do đó người võ sinh lại phải biết ít nhiều về kinh mạch, vinh khí vệ khí để nắm vững biến chuyển của con người. Một bộ môn đả huyết gọi là Nham Thần còn tính toán cả thời khắc để quyết định mục tiêu tấn công vì trong mười hai giờ thì khí lực ở mười hai kinh mạch khác nhau.

Khi nghiên cứu về võ Tàu, người ta thường phân chia theo những sắp đặt sau đây:

*** Bắc phái – Nam phái**

Nước Trung Hoa có địa bàn rất rộng nhưng người ta thường lấy hai con sông lớn Dương Tử và Hoàng Hà làm ranh giới thiên nhiên phân chia hai vùng Bắc và Nam. Hai con sông chia ra miền bắc với khí hậu đại lục, nhiều cao nguyên và sa mạc, có những đồng cỏ rộng rãi, miền nam lắm sông ngòi, núi non và đồng ruộng và vì đặc tính địa lý trên người Tàu có câu tục ngữ “Nam đi thuyền, Bắc đi ngựa”[2]. Miền bắc ăn lúa mì, miền nam ăn lúa gạo, về

nhân dáng người miền bắc cao to, chân dài còn người miền nam thấp bé, chân ngắn hơn. Thành thử võ thuật phương bắc thiên về cước (dùng chân), trong khi miền nam giỏi về quyền (dùng tay)[3]. Miền nam vì nhiều sông rạch, đầm hồ dùng thuyền bè để di chuyển và sinh nhai nên chú trọng đến các bộ tấn thấp và kỹ việc đá cao để mất thăng bằng nên luôn luôn cố giữ cho thân hình không xa rời mặt đất (túc bất ly địa). Miền bắc thiên về tấn công từ xa trong khi miền nam chú trọng đến cận chiến mà người ta gọi là nhập nội, nhất là những đòn tấn công bằng khuỷu tay (cùi chỏ) và cẳng tay (bắt, nắm, bẻ, bóp). Tiêu biểu cho Bắc phái có Trường Quyền, Đại Thánh Phách Quả, Tra Quyền, La Hán, Ưng Trảo, và Đường Lang Quyền (Bắc Tông). Nam Quyền có thể kể Bạch Hạc, Mạc Gia, Sái Lý Phật, Long Hình, Hồng Gia, Bạch Mi, Hầu Quyền, Hồ Quyền, Nam Đường Lang, Vịnh Xuân.

Chùa Thiếu Lâm ở Hà Nam nằm giữa hai con sông thành thử bao gồm nhiều thủ pháp kiêm bị hai đặc tính bắc và nam bao gồm sở trường của cả hai miền.

* Nội gia – Ngoại gia

Có ba yếu tố chính yếu hỗ trợ lẫn nhau trong chiến đấu: tốc độ, kinh lực và kỹ thuật mà tốc độ quan trọng hơn cả. Với tốc độ nhanh, một võ sinh có thể tấn công vào những yếu huyệt của địch thủ mà đối phương không kịp trả đòn. Dù cho kỹ thuật có kém và sức yếu chẳng nữa, tốc độ cao cũng có nhiều ưu điểm và dễ dàng tấn công được vào những chỗ hiểm như mắt, hạ bộ, bụng dưới, yết hầu, màng tang để đánh bại địch thủ. Quyền anh là một môn võ chú trọng vào tốc độ và một võ sĩ quyền anh chuyên nghiệp biết chỉ một vài miếng vẫn có thể đánh ngã một đối thủ tập luyện hàng trăm bài bản nhưng không tinh vi.

Yếu tố thứ hai là sức mạnh. Kinh lực có thể thay thế cho kỹ thuật trong

nhiều trường hợp nhất là để “chịu đấm ăn xôi”, hai bên đều trúng đòn của đối phương nhưng bên nào có sức chịu đựng hơn, vóc dáng mạnh mẽ hơn sẽ thắng. Nhiều người có sức khỏe trời cho không biết võ mà có thể đánh ngã một người tuy tinh tường kỹ năng nhưng ốm yếu nhỏ bé.

Yếu tố thứ ba là kỹ thuật bao gồm đòn thế, các loại cước pháp thủ pháp, những nguyên tắc và kinh nghiệm chiến đấu. Những môn võ mới của Đại Hàn và Nhật Bản nắm rất vững ba yếu tố này và thường tập luyện rất có lớp lang và chu đáo. Trong khi đó võ Trung Hoa có rất nhiều bài bản, đòn thế và nhưng cũng vì thế mà nhiều môn phái chỉ tập luyện hoa quyền nghĩa là những chiêu thế hoa mỹ để đi bài hơn là để dùng trong chiến đấu.

Từ ba yếu tố trên, người Trung Hoa đã chia ra hai phương pháp tập luyện khác nhau. Một bên chủ trương phát triển khí lực trước (nội công) rồi sau đó sẽ dùng sức mạnh đó áp dụng vào việc gia tăng sức mạnh, tốc độ. Cứ theo sử sách quan điểm này có vào khoảng thế kỷ thứ 6 và chúng ta có thể suy đoán rằng đã do ảnh hưởng của phép Du Già (Yoga) từ Thiên Trúc do Bồ đề Đạt Ma truyền qua, phối hợp với thuyết kinh mạch của Đông Y mà thành. Tẩy Tủy Kinh và Dịch Cân Kinh về sau đã được dùng để áp dụng vào việc luyện khí của các võ sư thuộc phái nội gia. Hai môn phái sớm sửa nhất mà người ta còn ghi nhận là Hậu Thiên Pháp và Tiểu Cửu Thiên được hình thành vào khoảng 550 – 600 sau T.L. và người ta cho rằng đã ảnh hưởng đến việc phát minh ra Thái Cực Quyền của Trương Tam Phong đời Nam Tống. Những bài quyền vẫn được coi đại diện cho nội gia là Thái Cực, Hình Ý, Bát Quái, Lục Hợp Bát Pháp.

Ngược lại bên ngoại gia thì chủ trương tập luyện quyền pháp cho mau thành công và từ công phu bên ngoài mà gia tăng khí lực. Luyện ngoại công thích hợp cho những người có thân thể tráng kiện và thường mau thành đạt kết quả để đem ra biểu diễn và phô trương tài nghệ. Tuy hai bên có trái ngược

nhau thực nhưng người ta vẫn cho rằng rốt ráo thì vẫn phải tu tập cả hai, nội và ngoại.[4]

Một câu hỏi mà nhiều người thường đặt ra là “kình lực” là gì vì chính việc luyện kình là cơ sở chính yếu của võ thuật Trung Hoa. Trước đây việc luyện kình vẫn thường được coi như bí truyền của mỗi môn phái tuyệt đối không truyền ra ngoài và chỉ những đệ tử tâm đắc mới được dạy tới. Kình lực chính là phương pháp “tập trung tinh thần và khí lực vào bắp thịt để thi triển tối đa sức mạnh của mình”[5]. Những phương pháp khác nhau khiến người ta đã phân biệt ra dương kình, âm kình, nhu kình, cương kình, nội kình, ngoại kình. Hồ Trảo Công sử dụng cương kình trong khi Bạch Hạc Công, Long Thủ, Xà Quyền dùng nhu kình để thi triển. Nếu không nắm vững cơ sở kình lực và chiêu thức, một võ sinh dù có sức mạnh cũng vẫn bị rơi vào phần hình thức, trông bề ngoài hoa mỹ lòe loẹt nhưng thực chất lại không vào đâu[6]. Nếu chỉ luyện quyền mà không luyện công thì tuy lúc đầu có những thành tựu nhưng về sau càng lớn tuổi càng suy yếu nếu không nói rằng có khi còn có hại. Những ai tập ngành công nếu không có những bài thuốc riêng và có minh sư chỉ dẫn thường hay bị những chứng thuộc về gân xương và nội tạng khi về già[7].

Đến nay nhiều võ sư học giả đã tiếp tục dùng những khám phá khoa học mới nhất để giải thích và biện chính lại các cơ sở về kình lực để hoàn thành một lý thuyết ngộ hầu có thể bổ túc cho những thiếu sót mà trước đây người ta đã phạm phải[8].

* Ngành công – Nhuyễn công

Ngành công là những võ phái chủ yếu dùng sức mạnh của bắp thịt còn nhuyễn công chú trọng về việc sử dụng sức bật của các sợi gân. Kình lực trong ngành công được bắp thịt tung ra còn trong nhuyễn công sức ra tới nơi liền được giữ lại để sự phản chấn không ảnh hưởng vào những đầu xương.

Một cách tổng quát, ngành công và ngoại gia có rất nhiều tương đồng trong khi nội gia thường thì sử dụng âm kinh hay nhuuyến công. Những võ phái Tae-Kwon Do của Đại Hàn hay Karate của Nhật Bản là ngoại gia thuộc về ngành công chuyên tập luyện công phá, chặt gạch, ngói hay ván gỗ. Trong võ Trung Hoa cũng có rất nhiều môn ngành công được tập luyện rất hung hãn chẳng hạn như Chu Sa Chưởng, Nhất Chỉ Thiên, Long Trảo Công, Bạt Sơn Công, Thiết Ngưu Công, Thiết Bố Sam...

Về việc tu tập, võ Tào nguyên thủy cũng chỉ là những động tác chiến đấu nhưng về sau du nhập thêm những môn tập luyện khác của Đạo gia, Phật gia và càng ngày càng thêm nhiều loại kỳ môn phức tạp. Những kết quả đi đến đâu, có ích lợi gì thực sự cũng còn là một vấn nạn chưa giải quyết được. Trong bài viết này chúng tôi không đi sâu vào những vấn đề đó.

CHÙA THIẾU LÂM

Chùa Thiếu Lâm là nơi nổi tiếng nhất về võ thuật, nói đến võ Tào hầu như ai cũng nghĩ ngay đến võ Thiếu Lâm. Kim Dung đã dùng hai chương đầu của bộ Y Thiên Đồ Long Ký để nói về chùa Thiếu Lâm khiến cho nhiều người lưu tâm đến ngôi cổ tự này.

Theo một trong những cuốn sách cổ nhất mà chúng ta còn thấy được là Đăng Phong huyện chí thì một nhà sư tên là Batuo (âm Hán Việt dịch là Bạt Đà) từ Ấn Độ sang Trung Hoa để thuyết pháp năm 464 T.L. ở huyện Đăng Phong, tỉnh Hà Nam. Ba mươi một năm sau, chùa Thiếu Lâm được xây lên do lệnh của Hiếu Văn Đế nhà Ngụy (471- 500 T.L.) để nhà sư này có nơi tu hành và chính vì thế, Bạt Đà thiền sư có thể coi như nhà sư đầu tiên trụ trì chùa Thiếu Lâm. Bạt Đà có hai người đệ tử là Tuệ Quang và Tăng Trù đều giỏi võ. Tuệ Quang có thể đứng trên miệng giếng đá cầu một lần 500 lần, còn Tăng Trù thì có thể đi trên tường, nhảy một cái lên mái nhà. Tuy nhiên

họ học ở đâu thì không thấy nói đến nhưng xem như thế, việc sư sãi tập luyện võ nghệ rất có thể có từ trước thời kỳ chùa Thiếu Lâm được thành lập. Thế nhưng người nổi danh nhất, vừa là sơ tổ của Thiền Tông và cũng là sư tổ của võ Thiếu Lâm chính là Bồ Đề Đạt Ma (Da Mo hay Bodhidharma). Đạt Ma cũng là một nhà sư từ Thiên Trúc, hiện nay tranh ảnh và điêu tượng vẫn được nhiều người thờ phụng, mắt lồi, râu rậm trông rất dữ dằn. Ông tên thực là Sardili, vốn là một vương tử của một tiểu quốc ở Nam Ấn. Theo truyền kỳ ông đã đắc đạo nhưng chưa nhập Niết Bàn mà còn ở lại trần thế để phổ độ chúng sinh, qua Trung Hoa lập nên Thiền Tông và là tổ sư đời thứ nhất của Thiền Tông Trung Quốc. Thiền tông về sau truyền bá qua Đại Hàn, Nhật Bản và cả Việt Nam ta. Cứ như sử sách thì ông sinh vào khoảng năm 483 T.L.

Đạt Ma tới Quảng Đông năm 527 theo lời mời của Lương Võ Đế. Nhà sư vào triều nói chuyện với nhưng không hợp ý nhà vua[9] nên không được trọng dụng. Đạt Ma lui về chùa Thiếu Lâm tu hành và tương truyền ông đã quay mặt vào vách núi tĩnh tu chín năm liền.

Cũng theo truyền thuyết, ông thấy sư sãi trong chùa người nào cũng yếu đuối, run rẩy co ro vì giá lạnh nên đã truyền thụ cho họ hai phương pháp thể dục, sau được ghi lại thành hai bộ Dịch Cân Kinh và Tây Tủy Kinh. Đạt Ma viên tịch vào khoảng năm 539 sau T.L. Tây Tủy Kinh vốn là một phương pháp nhằm khai mở trí huệ bát nhã của Phật giáo, còn chính Dịch Cân Kinh mới là phương pháp tập luyện thân thể và gia tăng khí lực. Dịch Cân Kinh cũng tương tự như phép thở trong phương pháp Yoga cũng là một sản phẩm đặc biệt của văn minh Thiên Trúc. Chính vì thế những nhà sư đời sau chỉ chăm chú vào Dịch Cân Kinh mà xao lãng việc thực hành Tây Tủy Kinh và đến bây giờ không còn ai biết phương pháp Tây Tủy Kinh thực sự như thế nào[10].

Từ công phu tập luyện nội ngoại công căn bản đó, những nhà sư chùa Thiếu Lâm đã nghiên cứu thêm về những phương pháp võ thuật trước đây vốn chỉ dùng trong dân gian để chiến đấu tự vệ. Cũng nên thêm một điều là sau đời Tùy Đường chùa Thiếu Lâm đã trở nên giàu có khiến cho những kẻ thảo khấu lục lâm dòm nhó khiến cho sư sãi cũng phải gia tăng tập luyện ngũ hầu chống trả được với cướp bóc. Thành thử các nhà sư Thiếu Lâm ngày càng tích lũy được một số kiến thức và kỹ thuật quan trọng cũng như phát triển thêm để trở thành một trung tâm võ thuật nổi tiếng của Trung Hoa.

Tuy nhiên chỉ vài mươi năm sau khi Đạt Ma tổ sư lìa trần, một số nhà sư không giữ thanh qui giới luật lại bỏ chùa đi ra cướp bóc những nhiều khách thương đi ngang qua. Chính vì thế mà tới thời Bắc Chu (557-581) thì chùa Thiếu Lâm bị triều đình bắt phải đóng cửa. Mãi tới khi nhà Chu diệt vong, nhà Tùy (581-618) lên thay chùa Thiếu Lâm mới được mở lại. Kể từ đó các vị sư trụ trì phải đưa ra giới luật rất nghiêm khắc và truyền thống tập võ của chùa Thiếu Lâm trở thành một thứ qui củ cho nhiều nơi khác noi theo. Tình sư đệ (thầy trò) trở thành căn bản quan trọng nhất và người thầy phải chịu trách nhiệm về hành vi và đạo đức của học trò mình đào tạo.

Đến thời kỳ biến loạn giữa đời Tùy và đời Đường, Tàn Vương Lý Thế Dân đánh với Trịnh Đế Vương Thế Sung. Khi Tàn Vương gặp nguy nan, ông đã yêu cầu tăng lữ chùa Thiếu Lâm giúp đỡ. Mười ba nhà sư đã đứng trong hàng ngũ của Lý Thế Dân để đánh với Vương Thế Sung, thành thử khi Lý Thế Dân lên ngôi vua nhà Đường, chùa Thiếu Lâm đã được ban cho 600 mẫu ruộng và cho phép sư sãi được tập luyện và chiêu mộ binh lính. Chính vì thế việc tập võ để chống với giặc giã cướp bóc trở thành một truyền thống của chùa Thiếu Lâm. Những nhà sư tập võ đó được gọi là “tăng binh” và việc luyện võ gần như bắt buộc song song với tu hành.

Chùa Thiếu Lâm vì thế một mặt phát triển võ công riêng của mình, mặt khác

đi thâm nhập võ công trong dân gian đem về nghiên cứu và biến cải. Những bổ sung và phát triển của võ Thiếu Lâm được duy trì liên tục kéo dài hàng nghìn năm suốt qua các đời Đường, Tống, Nguyên, Minh tới mãi tận thế kỷ thứ 17 khi Trung Hoa rơi vào vòng thống trị của người Mãn Châu (triều Thanh). Các bộ môn nội công, ngoại công, quyền pháp, binh khí, án ma (xoa bóp), điểm huyệt, châm cứu, thảo dược y... càng ngày càng thêm phức tạp và cái danh hiệu Thái Sơn Bắc Đầu của võ lâm chính là nói về sự huy hoàng của giai đoạn này. Hàng chục chi nhánh khác nhau có liên quan đến chùa Thiếu Lâm được xây dựng mặc dầu chỉ có bốn ngôi chùa chính yếu mang tên Thiếu Lâm mà thôi. Võ Thiếu Lâm cũng được lan truyền qua những quốc gia lân cận như Hàn Quốc (Triều Tiên), Nhật Bản, Việt Nam và các quốc gia Nam Á khác. Tuy mỗi quốc gia lại phát huy theo bối cảnh riêng của mình nhưng tựu trung ít nhiều cũng từ võ Tào mà ra cả.

Đến đời Nguyên, vào năm 1312 Đại Trí thiền sư từ Nhật Bản đến chùa Thiếu Lâm ở lại học võ 13 năm đã trở về Nhật truyền bá. Đến năm 1335, một nhà sư Nhật Bản khác là Thiệu Nguyên thiền sư cũng từ Nhật Bản qua chùa Thiếu Lâm học thư pháp, họa pháp, Thiền tông và võ thuật và trở về Nhật năm 1347 để phổ biến những sở đắc của mình.

Sang đời Minh, một nhà sư nổi danh là Giác Viễn đã đi khắp nơi để sưu tầm, học hỏi các loại võ công. Giác Viễn đến Lan Châu gặp một quyền sư nổi danh là Lý Tảo rồi gặp cha con Bạch Ngọc Phong. Cả bốn người quay về chùa Thiếu Lâm cùng nhau nghiên cứu võ học. Sau mười năm cần tu, Lý Tảo xuống núi còn cha con Bạch Ngọc Phong ở lại chùa qui y thành sư. Bạch Ngọc Phong tức Thu Nguyệt thiền sư là người nổi tiếng về quyền và kiếm. Theo Thiếu Lâm tự chí thì chính ông đã phát triển La Hán thập bát thức thành 173 chiêu. Ngoài ra ông còn tổng kết các võ công của chùa Thiếu Lâm viết thành bộ Ngũ Quyền Tinh Yếu, trong đó đề cập đến năm loại

quyền pháp, Long, Hồ, Xà, Báo, Hạc. Như thế đủ biết ngũ quyền pháp đã được tập luyện trong chùa Thiếu Lâm từ lâu.

Sau khi người Mãn Châu chiếm được Trung Hoa (nhà Thanh), để ngăn ngừa những vụ nổi dậy bài Mãn phục Hán, triều đình ngăn cấm không cho học võ nên chùa Thiếu Lâm mới bắt đầu bí mật dạy võ cho một số đệ tử tục gia và cư sĩ, thành phần tăng binh cũng giảm sút nhiều. Và khoảng 1760, triều đình đã đem quân tấn công chùa Thiếu Lâm giết chết một số lớn sư sãi và thiêu hủy hầu hết các dinh thự, đền đài. Một số các nhà sư chạy thoát được sống lẫn lút trong dân chúng hay lưu lạc ra nước ngoài mang theo những công phu luyện tập phổ biến rộng rãi, lúc đầu chỉ trong giới Hoa kiều nhưng dần dần lan tới cả dân bản xứ. Chính vì võ thuật tùy thuộc rất nhiều vào người học nên tuy cùng một thầy, cùng một chương trình huấn luyện nhưng mỗi người sở đắc một khác và khi truyền ra mỗi đời lại thay đổi ít nhiều tùy theo người dạy và người học. Chính vì thế càng ngày càng có thêm nhiều chi nhánh được đặt tên khác nhau nhưng truy nguyên cũng cùng ở một nguồn gốc.

Vào đầu đời Thanh, nhiều người tin rằng dưới chiêu bài võ thuật và liên hệ thầy trò, huynh đệ đồng môn, người Trung Hoa có thể bí mật qui tụ anh hùng nghĩa sĩ để đứng lên lật đổ người Mãn Châu. Bang phái quan trọng nhất thời kỳ đó là Thiên Địa Hội với danh nghĩa phản Thanh phục Minh đã dùng hai biểu tượng mặt trời (nhật) và mặt trăng (nguyệt) làm ký hiệu nhận nhau[11]. Trong chữ Hán, Nhật đứng bên Nguyệt thành chữ Minh (nhà Minh) và vì thế mỗi khi đi bài hay giao đấu, người học trò thường khởi thức bằng cách vòng tay phải thành quyền (nhật), tay trái xòe ra dè lên tay phải (nguyệt) để tỏ ý nghĩa quyết tâm khôi phục giang sơn. Cho đến nay đây vẫn là cách bái tổ thông dụng hơn cả khi học võ Tàu.

Tới cuối đời Thanh khi Trung Hoa bị liệt cường xâm xé, người Tàu bị mất

niềm tin ở văn hóa của mình, nổi lên những phong trào phủ nhận truyền thống để canh tân theo Âu Mỹ khiến cho võ thuật cũng như nhiều ngành khác bị lãng quên và mai một.

Sau khi nhà Thanh bị lật đổ, đầu thời Dân Quốc phong khí tập luyện võ nghệ lại quay trở lại và trong thập niên 1920's và 1930's một số sách dạy võ được xuất bản. Tuy nhiên một biến cố quan trọng đã xảy ra trong thời quân phiệt đầu Dân Quốc.

Cứ theo sách vở để lại từ khi chùa Thiếu Lâm được dựng lên cho tới cuối đời Thanh, ngôi chùa to lớn này đã nhiều lần bị những nhóm lục lâm, thảo khấu tấn công để cướp vàng bạc châu báu. Tuy nhiên lần tổn hại sau cùng lại chỉ mới cách đây hơn 70 năm do quân đội của chính quyền Dân Quốc. Vào năm 1926, Thống chế Tưởng Giới Thạch tiến hành cuộc thống nhất Trung Hoa và tung ra cuộc hành quân Bắc Phạt (Northern Expedition) để tiêu diệt các sứ quân lúc đó chia cắt các nơi, mỗi người hùng cứ một phương. Tướng Phùng Ngọc Tường được chỉ định tấn công khu vực Hà Nam là nơi có chùa Thiếu Lâm để tiêu trừ quân phiệt Phàn Chung Tú. Khi bị phụ tá của Phùng Ngọc Tường là tướng Thạch Hữu Tam (Shi You-San) bao vây, Phàn Chung Tú đã chạy vào nương náu trong chùa Thiếu Lâm cùng với phương trượng Diêu Hưng[12] (vốn dĩ là một người quen của quân phiệt này) điều động tăng chúng đứng ra chống trả quân đội Dân Quốc. Lẽ dĩ nhiên, võ nghệ – dù là võ Thiếu Lâm – cũng không thể nào có thể đương cự được với súng đạn nên quân đội đã tiến chiếm chùa Thiếu Lâm một cách dễ dàng. Để trả thù thái độ bất hợp tác của nhà chùa, tướng Thạch Hữu Tam đã ra lệnh hỏa thiêu Thiếu Lâm tự, lửa cháy 40 ngày mới tắt, bao nhiêu ốc vũ đền đài đều thành tro trong đó đáng kể nhất là Tàng Kinh Các chứa rất nhiều tài liệu võ thuật vô giá bị thiêu hủy. Phương trượng Diêu Hưng tử nạn.

Sau biến cố này, Thống chế Tưởng Giới Thạch đã thành lập Nam Kinh

Trung Ương Quốc Thuật Quán, chiêu mộ các danh gia và quyền sư để nghiên cứu và phát huy võ Tà nay dưới cái tên mới là Trung Quốc Võ Thuật hay Quốc Thuật. Đây cũng là lần đầu tiên việc nghiên cứu võ thuật được chính quyền yểm trợ để cho các quyền sư được ngồi lại chia sẻ kinh nghiệm và phương pháp tập luyện. Khi Thế Chiến thứ hai bùng nổ, công tác này bị đình chỉ.

Sau khi Mao Trạch Đông lên nắm quyền, các chùa chiền bị cấm đoán, nhà cầm quyền tuy có thiết lập một Quốc Gia Thể Dục Học Viện để huấn luyện thể thao, trong đó có bộ môn võ thuật nhưng họ chỉ chú trọng đến những màn nhào lộn (acrobatic) và hoa mỹ (aesthetic) để cuốn hút người xem ngõ hầu tạo tiếng vang khi đưa ra nước ngoài biểu diễn, còn phần võ thuật chân chính thì ngày càng mai một. Tới thời kỳ Cách Mạng Văn Hóa lại càng bị trấn áp và phá hủy, đất đai của chùa Thiếu Lâm bị tịch thu để tái phân cho nông dân canh tác và hầu hết sư sãi phải hoàn tục hoặc bỏ đi nơi khác khiến cho trong cao điểm vào thập niên 1970s cả chùa chỉ còn có 4 người. Sau khi cuộc Cách Mạng Văn Hóa chấm dứt – đồng thời với cái chết của Mao Trạch Đông – vào năm 1976 khoảng 13 nhà sư trước đây đã bỏ chùa trốn tránh nay quay trở về.

Mãi tới thập niên 1980 sau khi có những cải cách của Đặng Tiểu Bình, võ thuật Trung Hoa mới được khôi phục. Tuy nhiên, phần lớn những võ sư có khả năng đã chết vì tuổi tác hay bị hành hạ nên việc phục hồi chưa được bao nhiêu. Một số khác không tin tưởng vào thiện chí của nhà cầm quyền nên không hoàn toàn hợp tác. Để có thể đưa võ Tà vào trong những bộ môn tranh tài tại Thế Vận Hội Olympic, họ cũng đã cố gắng nâng cao giá trị của ngành này và chùa Thiếu Lâm được giúp đỡ để biến đây thành một thánh địa của võ Trung Hoa và là một địa điểm thu hút khách du lịch. Từ năm 1989, chính quyền đã trực tiếp đứng ra quản lý chùa Thiếu Lâm mở những võ quán

để dạy võ thu hút ngoại tệ. Những nhà tu chân chính được qui định một khu vực riêng để lo Phật đạo, còn những người chuyên luyện võ để biểu diễn chiếm đóng hầu hết các khu còn lại. Chính quyền cũng trùng tu lại những ốc vũ bị đốt, bị phá hủy trong mấy chục năm qua, thu nhặt những kinh điển võ học nhưng rất nhiều bảo tàng đã bị mất nay không thể nào khôi phục được. Một bộ phận chuyên về việc tìm kiếm lại những bộ môn bị thất truyền dưới cái tên Võ Thuật Oát Quật Tiểu Tổ (Martial Arts Investigation Team), quay phim và ghi chép lại thành sách vở những gì họ coi là quý báu.

Có bao nhiêu ngôi chùa Thiếu Lâm?

Chưa kể hàng chục ngôi chùa cũng do các sư sãi ra ngoài thiết lập và dạy võ, sách vở chép có đến bốn ngôi chùa chính thức mang tên Thiếu Lâm, mỗi nơi có một số truyền thống khác biệt. Ngôi chùa thứ nhất như đã miêu tả là trụ sở chính ở trên núi Thiếu Thất, dãy Tung Sơn thuộc tỉnh Hà Nam kiến tạo từ thế kỷ thứ 5, có thể nói là chùa Thiếu Lâm chính yếu và là nơi nổi tiếng nhất. Ngôi chùa thứ hai tại tỉnh Phúc Kiến nhưng được đổi tên vào khoảng năm 650 và coi như ngôi chùa Thiếu Lâm nam phái, khang trang qui mô hơn cả ngôi chùa ở Hà Nam thay thế cho ngôi chùa chính mỗi khi bị phá hủy.

Ngôi chùa Thiếu Lâm thứ ba nằm tại ranh giới Mãn Châu và Hàn Quốc được cải danh thành chùa Thiếu Lâm vào khoảng thế kỷ thứ 9 T.L. và ngôi chùa thứ tư nằm ở Tứ Xuyên nhưng chuyên về các công phu trị bệnh và tàng trữ sách vở. Chùa Thiếu Lâm này cũng sưu tầm sách vở các nơi nhất là các loại kinh sách của Tây Tạng, cổ thư. Cũng theo truyền thuyết, mỗi khi người nào xuống núi, một khi qua được mười tám gian phòng mộc nhân mộc tượng hai cánh tay sẽ in hình hai con hạc thay vì hai con rồng.[13]

Chùa Thiếu Lâm nổi tiếng nhất vẫn là cổ tự tại Hà Nam với biển ngạch Thiếu Lâm Tự ba chữ vàng là ngự bút của vua Khang Hi nhà Thanh treo

trước cổng chùa. Hiện nay ngôi chùa này đã được biến thành một trung tâm huấn luyện võ nghệ mang nhiều phô trương và thương mại nhằm thu hút du khách và những người Tây phương hiếu kỳ. Ngoài số tăng chúng xuất gia khổ luyện còn có nhiều võ quán được thành lập chung quanh để dạy cho những người muốn học võ Tào qua những chương trình huấn luyện riêng[14]. Trẻ em từ 4 tuổi đã được dạy võ, kể cả đao thương quyền kiếm và nhiều người hi vọng con mình mai này sẽ thành một minh tinh điện ảnh, nhất là sau khi phim Ngọa Hổ Tàng Long (Crouching Tiger, Hidden Dragon) đã vang dậy khắp nơi.[15]

Trong chùa nhiều chú tiểu còn rất nhỏ đã phải “khổ luyện” ngày đêm bằng đủ mọi loại hành xác như công phá gạch đá, húc đầu vào tường, dùng long trảo chộp vào cây, liếm xẻng nung nóng ... Những công phu đó rõ ràng chỉ nhằm mục đích biểu diễn chứ thực sự giá trị nghệ thuật không bao nhiêu và chưa đo lường được những hậu quả dài lâu của nó. Có nhà sư còn luyện những môn võ công quái dị như Thiết Đang Công, Thiên Cân Trụ dùng bộ phận sinh dục để kéo những tảng đá.

Phương trượng chùa Thiếu Lâm hiện nay là Đức Thiền đại sư, đệ tử đời thứ ba mươi một, dòng Tào Động của chùa Thiếu Lâm Tung Sơn. Hiện nay chùa Thiếu Lâm đã có những người mang chữ Thường tức là đệ tử đời thứ ba mươi tám và cũng còn cả những người chữ Tổ là vai sư thúc của phương trượng. Sau đây là bài thơ tính phổ hệ kể từ sơ tổ Tào Động là đệ tử của Huệ Năng thiền sư (tức là tổ đời thứ sáu tính từ Đạt Ma):

Phúc Tuệ Trí Tử Giác

Tử[16] Bản Viên Khả Ngộ

Chu Hồng Phổ Quảng Tông

Đạo Khánh Đồng Huyền Tổ

Thanh Tĩnh Chân Như Hải

Trầm Tịch Thuần Trinh Tố
Đức Hạnh Vĩnh Diên Hằng
Diệu Thể Thường Kiên Cố
Tâm Lãng Chiêu Sơn Thâm
Tĩnh Minh Giám Sùng Tác
Trung Chính Thiện Hỷ Tường
Cẩn Chí Nguyên Tế Độ
Vân Đình Vi Đạo Sư
Dẫn Nhữ Qui Minh Lộ[17]

VÕ VIỆT NAM ???

Tài liệu về võ Việt Nam hầu như không còn gì để lại. Người ta thường cho rằng giai đoạn Pháp thuộc với chủ tâm tiêu diệt những mầm mống chống đối của thực dân đã đưa đến việc suy tàn của võ Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta phải thành thực mà nhìn nhận một số vấn đề:

Cứ như sử sách việc binh bị tập luyện để chiến đấu của ta có đã từ lâu, ắt hẳn có từ khi con người biết tự bảo vệ để sinh tồn và như thế võ nghệ tồn tại song song với thời kỳ lập quốc. Những bộ lạc đầu tiên có mặt trên giải đất Việt Nam cũng còn để lại nhiều di chỉ về khí giới như đá mài nhọn, đầu mũi tên bằng đồng... Trên mặt trống đồng còn nhiều hình người cầm giáo, cầm rìu chứng tỏ thời thái cổ con người ở trên đất nước ta đã có những kỹ thuật sử dụng binh khí để chiến đấu. Trên những thông gốm đời Lý Trần chúng ta cũng thấy có những hình chiến sĩ cầm khiên, kiếm đấu với nhau. Tuy nhiên những biểu tượng đó cũng có thể chỉ là những vũ điệu của người thời xưa dùng trong những cuộc tế lễ bị kích động bởi chiêm trống như bất cứ một bộ lạc nào trên trái đất này. Những động tác đó chưa hẳn đã là võ thuật. Một điểm đáng lưu ý là tuy người Việt Nam thời xa xưa tuy có luyện tập

nhưng sức mạnh quân sự vẫn chủ yếu khai thác các sở trường của người mình, hoàn cảnh xã hội và thiên nhiên chứ không phải chỉ dựa vào công phu cá nhân. Việc đặt ra việc tập luyện võ nghệ thành một ngành riêng để truy cầu những tuyệt kỹ gần như chúng ta không có và tuy người mình cũng có những bài bản về quyền pháp và binh khí, nhưng mô thức đó có lẽ đã sao chép lại của người Tàu. Những bài thiệu (tức những tên thế đặt ra thành bài cho dễ nhớ để tập) đọc lên thấy không mấy văn vẻ, lắm khi ngô nghê đủ biết những người tập võ của chúng ta trình độ chữ nghĩa không lấy gì làm cao. Điều đó cũng là một chuyện tự nhiên vì nước ta vẫn có truyền thống trọng văn khinh võ, quan võ của chúng ta ngày xưa thi cử chú trọng nhiều đến sức khỏe chứ không đặt nặng kiến thức quân sự nên không mấy ai được gọi là văn võ kiêm toàn. Ngay cả thời chiến, những người cầm quân đánh giặc cũng đều là văn quan được chỉ định làm tiết chế còn người gốc võ quan thường cũng chỉ làm tùy tướng mà thôi[18]. Tuy trong chương trình có phần võ kinh nghĩa là hỏi về binh thư đồ trận nhưng không bắt buộc[19].

Theo Toan Ánh trong Nếp Cũ (Con Người Việt Nam) thì việc tập luyện của người Việt Nam bao gồm tám bộ môn: tập xách tạ, tập đu, luyện chân tay, tập nhảy, tập quyền thuật, tập khí giới, tập bắn cung và tập đánh vật. Thi cử ngoài việc trình diễn mười tám món binh khí còn phải đấu quyền, đấu roi, đấu côn và đối sách (thi viết)[20].

Một điểm đáng lưu ý là ngày xưa việc tập võ nếu có chỉ nhằm phòng thân, chiến đấu với cướp bóc và giới hạn trong khu vực địa phương. Nếu có ai thực sự quan tâm đến võ nghệ thì không ngoài những đòi hỏi mà thi cử qui định vì mục tiêu của tập võ là đỗ đạt để ra làm quan. Cho đến gần đây một số người có lòng đã cố gắng truy cầu xem võ Việt Nam có những đặc điểm gì để xây dựng một chương trình quốc thuật riêng không phải vay mượn của võ Tàu, Đại Hàn hay Nhật Bản nhưng công việc đó còn nhiều khó khăn và

chúng ta không thể che đậy một số sự thực, dẫn rằng những sự thực đó không hoàn toàn như ý.

Trước hết, võ ta thường chỉ là những thế, miếng rời rạc được lưu truyền trong dân gian nặng về tính địa phương chứ không có tính môn phái hay gia tộc. Môn vật của miền Bắc, đấu côn, đấu roi của miền Trung và miền Nam ở trong trường hợp này. Một số vùng nổi danh như Bình Định, Bà Trà, Tân Khánh... cũng chỉ có truyền thống tập võ gần đây mà thôi. Tuy cũng có một số bài bản nhưng ngoài những bài để đi thi trong chương trình chính thức, nhiều bài thiệu đọc lên chỉ như một bài vè, hoàn toàn không giống như những thế võ thành thử khó có thể biết được những động tác đó quả thực là một bài hay chỉ là những thế rời được chấp nhận. Võ ta nặng về phần chiêu thức cụ thể nghĩa là chuyên luyện một số miếng và dùng những miếng đó áp dụng vào việc chiến đấu. Có thể nói võ Việt Nam không phong phú về số lượng nhưng cũng đầy đủ những chiêu thế căn bản nên nếu được luyện tập một cách bền bỉ và tinh tường võ ta có thể đạt được nhiều thành tích đáng kể trên võ đài cũng như thực dụng ngoài đời sống. Sử sách còn nhắc đến nhiều người như Lê Phụng Hiểu đời Lý, Phạm Ngũ Lão đời Trần, Mạc Đăng Dung đời Lê, Lê Văn Khôi đời Nguyễn vừa có sức khỏe trời cho, vừa tinh thông võ nghệ. Gần đây người ta cũng truyền tụng nhiều võ sư chỉ với một cây roi và dăm miếng “nghề” đã có thể đánh chết hổ, heo rừng một cách mau lẹ và chính xác[21].

Tại miền Bắc, môn vật của Việt Nam rất phổ thông và thường dùng để tranh giải trong những ngày tết lễ tuy dững mãnh nhưng không sát phạt và cũng ít khi nào gây thương tích cho người tham dự. Có thể nói đánh vật là một mỹ tục và vì thế còn để lại nhiều hình tượng khắc chạm, tranh treo tường như một nhắc nhở tự nhiên. Tuy chưa có ai so sánh môn vật của ta với môn vật của các nước khác (Mông Cổ, Nhật Bản ...) nhưng theo sử sách còn để lại,

dân tộc chúng ta cũng có những đòn thế rất hiểm ác, điển hình là Vũ Phong đòi Lê đã thắng những võ sĩ từ bên Tàu qua thách đấu nên được phong làm Trạng Vật. Trong dân gian còn truyền tụng nhiều câu ca dao nói lên những vùng nổi tiếng chẳng hạn:

Côn quyền La Hán, La Hào,
Còn như vật võ thì vào Liễu Đôi[22]

Hay là:

Làng Đăm[23] có hội bơi thuyền,
Có lò đánh vật lưu truyền từ lâu.

Riêng miền Trung, hầu như ai ai trong chúng ta cũng nhớ đến câu:

Ai về Bình Định mà coi,
Con gái Bình Định múa roi đi quyền.

Thứ hai võ thuật Việt Nam gắn liền với sinh hoạt dân gian. Những món binh khí thông dụng nhất đều dễ kiếm, dễ làm như côn, roi (một loại gậy một đầu nhỏ hơn dùng vừa như côn lại vừa như thương, còn gọi là trung bình tiên) và đao kiếm (hay quát) thông dụng hơn cả. Các binh khí khác như thiết lĩnh, “bút chì” (một cuộn dây thừng buộc vào cán một cái mai đao đất để phóng ra rồi lại thu về rất lợi hại) cũng thường có sẵn trong khi canh tác. Sau đây là một đoạn rất linh hoạt về lối sử dụng “bút chì” của những tay ăn cướp trích trong Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân:

“... Phó Kinh đã nóng mặt, xắn tay áo, ngồi chửi đồng:

- Này phải biết, một cây bút chì của em, em dám chấp cả một ấp người. Có một cây bút chì mà đánh cho sát đòn, thì đây nhất nhân địch vạn nhân, à, phải biết thế mới được.

Nói xong, Phó Kinh nhảy xuống đất, quơ trong gầm giường lấy cái mai, tháo cuộn dây thừng quấn trong người thay thắt lưng, bọc một đầu mỗi dây vào cán mai có tiện đường rãnh từ hông nọ. Cả bọn đang vui câu chuyện, đều ủa

theo Phó Kinh ra mặt sau nhà, đứng một loạt đối diện với bụi chuối tiêu phát phơ tàu lá ở bờ rào xa. Phó Kinh cuộn mấy vòng dây thừng dài đến mấy sải vào cánh tay trái. Bàn tay trái y nắm chắc cổ cán mai, bàn tay phải y giữ vững đốc ngọn mai.

- Đàn anh thử xem em hạ cây chuối phía bên trái.

Bỗng sau một tiếng phập, thân trên cây chuối đã gục xuống mặt đất, kêu đánh roạt. Và Phó Kinh đang cười hề hề, cuộn vòng dây thừng vào cánh tay trái và, đã giật được về từ lúc nào, cái mai đã ở gọn trong hai bàn tay y.

- Bây giờ đàn anh lại xem em lấy buồng chuối chín cây xuống để chút nữa lễ thánh.

Lưỡi mai sén qua cuống buồng chuối, đi quá đích, chạm đến quá nửa thân cây chuối. Cả bọn cười vang. Lý Văn dè dặt lời khen:

- Ngọn “bút chì” của chú hay đấy. Nhưng cũng còn nặng tay. Chưa được ngọt đòn lắm. Có nhiều khi mình chỉ nên đánh dọa người ta thôi. Nếu không cần đến thì chớ nên làm tổn hại đến nhân mạng.

Sẵn có đàn gà đang đi trong luống khoai lang, Lý Văn mượn Phó Kinh đưa cho mình cây “bút chì”, buộc thông lọng mũi dây vào cổ tay trái và nói với anh em:

- Chú nào ném hộ tôi hòn đất.

Tiếng hòn đất đụng đất kêu đánh bộp. Mấy con gà bay tà tà khỏi mặt vườn, đập cánh bồm bộp. Tiếng lưỡi mai ở tay Lý Văn phóng ra kêu đánh vụt. Một tiếng gà kêu oác.

Cả bọn chạy ra luống khoai, giơ cao con gà gãy mất hai chân. Vết thương gọn gàng vừa đúng quăng đầu gối và cặp giò chưa lìa hẳn, vẫn còn dính vào đùi bởi làn da hoen máu.

Lý Văn gác mai nói với cả bọn:

- Nếu mình ném mạnh tay quá và không biết tính sức đi của “bút chì” là nát

mất gà. Các chú không phải đánh những “tiếng bạc” vào sinh ra tử, các chú không biết, chứ đòn “bút chì” khó khiến lắm. Và một cây “bút chì” ngang tàng như thế mà phải lụy một cành tre đấy. Chú nào hay sử cây bút chùng ở các đường độc đạo, nên cẩn thận khi thấy bên địch tung cành tre ra để phá “bút chì”. Để hôm nào rảnh, anh sẽ dạy cho các chú tập đánh cái lối đòn bơi chèo bằng gỗ cau. Đánh đến đòn hỗn chiến ấy thì đầu người rụng cứ như sung.[24]”

Tuyệt nhiên chúng ta không có những loại binh khí lạ lùng như của Trung Hoa. Ngoại trừ những ai tập võ để đi thi, những loại binh khí như siêu, đao, thương, kích... ít khi tập đến. Thành thử, tập võ nếu không dùng vào mục đích thi cử thì chỉ là một thú tiêu khiển trong dân gian, để biểu diễn mỗi khi có hội hè đình đám chứ không được tổ chức thành bang hội, môn phái như tại những quốc gia khác.

Thứ ba, một cách thành thực thì võ Việt Nam bị ảnh hưởng rất nặng của võ Tàu nhất là các võ phái ở miền nam Trung Hoa. Điều đó cũng dễ hiểu vì địa lý và thổ ngơi chúng ta có những đặc tính tương tự với đất Tàu và trong sinh hoạt tiếp cận nhau nhiều nghìn năm, ảnh hưởng giao lưu văn hóa là chuyện đương nhiên. Nhiều người đã cho rằng võ của ta cũng là một sản phẩm được du nhập trong những thời kỳ bị đô hộ hay gần đây nhất khi người Trung Hoa chạy sang nước ta lánh nạn Mãn Thanh. Thành thử võ nghệ có lớp lang hơn cả nằm ở miền Trung và miền Nam là nơi có nhiều di dân Hoa kiều chứ không thấy có ở miền Bắc. Trong thời Pháp thuộc một số môn phái được thành lập ở Bắc Việt cũng do những người đi học từ bên ngoài mang về chứ không phải tổ truyền hay có hữu ở trong nước. Ngay cả những bài bản chính gốc trước đây vẫn được dùng để huấn luyện trong các kỳ thi nay còn truyền dạy[25] và một số binh khí mà nhiều người nhận định rằng là tài sản văn hóa riêng của Việt Nam, việc phân biệt cũng không có gì rõ nét. Các tấn pháp,

bộ pháp, thủ pháp của ta gần giống như của Trung Hoa mặc dầu cách vận dụng, cách thi diễn hay tên gọi có khác biệt đôi chút.

Miền nam Việt Nam cũng có nhiều vùng dân chúng ưa chuộng võ nghệ nhất là những địa phương giáp giới núi rừng vì thường phải đối phó với thú dữ ra quấy phá. Những kỹ thuật đó thường được truyền dạy trong vòng thân thuộc, người trong gia đình chỉ lại cho nhau chứ ít khi đi học thầy vì một phần võ nghệ bị cấm đoán và việc mượn thầy về dạy cũng rất tốn kém. Thành thử người ta đã có câu, nhà nghèo học văn, nhà giàu học võ vì ngoài khả năng thiên phú, người tập cũng cần có sức khỏe và thì giờ để trau dồi. Tới thời đệ Nhất Cộng Hòa, một số võ đường được mở ra nhưng phần lớn dạy quyền Anh hay võ tự do để đào tạo người đưa lên võ đài tranh giải nên thường được gọi bằng cái tên nôm na là “lò võ”.

Có nhiều người lầm lẫn giữa võ nghệ và khả năng quân sự, thực ra võ nghệ chỉ đóng một vai trò không mấy quan trọng trong cách điều binh và những công lao chiến tích của dân tộc chúng ta là do ở tài tổ chức, khai thác địa hình, thổ ngơi và tinh thần đoàn kết của dân tộc hơn là nhờ vào những hổ tướng hay những người biết võ công. Trong những cơn quốc biến, thanh niên có sức khỏe được xung quân và tập luyện qua loa đã đủ thành một người lính giỏi nếu có được người chỉ huy khôn ngoan biết vận dụng họ vào tác chiến. Theo truyền thống kẻ võ biền luôn luôn bị xem nhẹ và quan võ dù trong làng hay ngoài nước cũng vẫn bị coi thường và chưa bao giờ được coi như một giai tầng quyền quý như những hiệp sĩ của Âu Châu hay tầng lớp võ sĩ đạo của Nhật Bản.

Gần đây vì những phong trào tiểu thuyết kiếm hiệp, phim ảnh nên Việt Nam cũng như nhiều nơi khác trên thế giới có phong trào tập võ một số thầy võ mới có chỗ đứng trong xã hội mặc dầu không lấy gì làm cao. Các võ đường theo thời đại mọc ra như nấm, phần lớn do chủ trương thương mại và một số

võ sư đã phóng đại sở học của mình đồng thời dựng nên một số tổ sư Việt Nam, những điều đó hoàn toàn không có thực. Ngoại trừ những võ phái như Nhu Đạo, Hiệp Khí Đạo, Đài Quyền Đạo (Tae-Kwon Do) ... từ bên ngoài truyền vào tương đối qui mô và có hệ thống tổ chức, những võ phái của Trung Hoa hay của Việt Nam vẫn còn trong vòng dò dẫm, phần nhiều chấp vá và không tinh thuần, “danh quá kỳ thực” huyền thoại hóa môn phái mình vì mục đích tự đề cao hay vì nhu cầu quảng cáo nên không phát triển được bao nhiêu.

Những võ sư (???) cũng lại không chịu ngồi lại với nhau để chia sẻ kinh nghiệm và tài nghệ, phần lớn thiếu trình độ quản trị và tổ chức nên trước sau vẫn chỉ nằm trong tương quan thầy trò theo kiểu lớp dạy tư đâu rằng nhiều người tự phong cho mình một cái danh hiệu rất vang dội. Thành thử một khi cái liên hệ người mua và kẻ bán, cho và nhận chấm dứt thì tình nghĩa lại cũng ra đi khiến cho tình đồng môn, nghĩa sư đệ trở nên nhạt nhòa không còn thấm thiết nữa. Do đó việc cố gò ép một võ đạo Việt Nam để đem truyền thống của người mình so sánh với các quốc gia khác như Đại Hàn hay Nhật Bản không hợp lý. Trên thực tế, nếu muốn xây dựng một tinh thần thượng võ chúng ta còn mất một thời gian dài và võ đạo thì lại càng xa xăm nếu quả thực từ đó người ta có thể rút tỉa ra được một triết lý sống có những nét độc đáo cho riêng mình.

Trong thời đại mới ngày hôm nay, một môn võ gọi là của Việt Nam không nhất thiết phải cổ truyền[26] mà cần được nghiên cứu kỹ lưỡng để thành một bộ môn thể thao sao cho thích hợp với thể tạng, với thực tế và nhất là đáp ứng được những nhu cầu rèn luyện thể lực và tâm hồn cho từng lứa tuổi. Những chương trình đó phải được nghiên cứu một cách khoa học, loại trừ những đòn thế hư cấu và giả tạo để có thể phổ biến đồng nhất và triệt để với một mục tiêu rõ rệt. Đã có nhiều người có tâm nguyện làm việc này và nhiều

tổ chức cũng đang tìm cách thu góp những sở đắc và đặc thù của dân tộc Việt Nam để đưa ra một chương trình huấn luyện căn bản nhưng cho tới nay những thành quả cũng chưa có gì rõ rệt. Cùng với những biến chuyển của thời đại và những phong trào thể thao của thế giới, thanh niên hiện nay quay sang những bộ môn điền kinh có luật lệ và chính thức như bóng tròn (đá), bóng rổ, đua xe ... nên cũng không còn mấy ai quan tâm đến võ thuật. Thành thử những phong trào cũng lên xuống theo phong khí của từng lúc, từng nơi và rất ít ai coi đó là một mục tiêu theo đuổi cả cuộc đời.

Trong bài này chúng tôi chỉ bàn sơ qua về võ thuật Trung Hoa như một chỉ lưu của văn hóa, tuy cùng một gốc nhưng vì đối tượng và hướng đi có những khác biệt. Những từ ngữ chuyên môn, các loại binh khí, phương pháp tập luyện và những môn phái xuất hiện trong tiểu thuyết Kim Dung như Nga Mi, Thanh Thành, Không Động ... có hay không, đúng hay sai đến mức độ nào chúng ta sẽ bàn tới trong một dịp khác.

05/2001

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Corcoran, John and Emil Farkas: Martial Arts, Traditions, History, People, Gallery Books, New York 1983
- Thiếu Lâm Công Phu (Shaolin Kungfu): China Pictorial Publishing House, 3rd Ed., Bắc Kinh 1996
- Journey into China: National Geographic Society, Washington D.C. 1982
- Yang, Jwing-Ming: The Essence of Shaolin White Crane (Thiếu Lâm Bạch Hạc), YMAA Publication Kenter, Mass. 1996
- Tổng Chí Kiên: Trung Quốc Công Phu, Trung Quốc Quảng Bá Công Ty, Đài Bắc 1983
- Linh Không thiền sư: Nhuyễn Ngạnh Công Luyện Tập Pháp, Hoa Liên

xuất bản xã, Đài Bắc 1982

- Ngô Giai Minh: Thiếu Lâm võ thuật bí truyền tuyệt kỹ 72 công pháp (bản dịch sang Anh Ngữ của Nhu Cương) Phúc Kiến Khoa Học Kỹ Thuật xb 1992

- Thiếu Lâm tự chỉ nguyên, Khí Công nghiên cứu xã, Hongkong 1981

- Tông Đạo Thần: Thiếu Lâm tự quyền pháp, Thích Thiển (dịch), Võ Lãng xuất bản xã, Đài Bắc 1963

- Yang, Jwing-Ming và Jeffery A. Bolt: Thiếu Lâm Trường Quyền (Shaolin Long Fist Kung Fu), Unique Publications Inc. California 1982

[1] Journey into China, National Geographic Society, Washington D.C. 1982 tr. 157

[2] Nam thuyền Bắc mã

[3] Nam quyền Bắc cước

[4] ngoại gia tiên lực nhĩ khí, nội gia tiên khí hậu lực

[5] using the concentrated mind to lead the Qi to energize the muscles and thus manifest the power to its maximum level

[6] hoa quyền tú cước

[7] Hơn hai mươi năm trước, người viết có đọc một cuốn sách nhan đề The Way of Karate, không nhớ tên tác giả chỉ biết là chương môn đời thứ ba của một võ phái Karate của Nhật Bản khá nổi tiếng. Võ phái này được hình thành vào khoảng trước Thế Chiến thứ hai do một võ sư ở Okinawa sáng lập, chuyên về ngành công với những đòn rất là sắc sảo. Người chương môn sáng phái qua đời truyền lại chức vụ cho người con trai trưởng (đời thứ hai) nhưng ông này bị bạo bệnh mất lúc vừa mới 40 tuổi. Chương môn đời thứ ba là sư đệ của người này, cũng là cao đồ của vị chương môn đầu tiên sau đó

viết cuốn sách với những bức hình chụp ông vào khoảng 50 tuổi nhưng trông hom hem và bạc nhược như một ông lão 80. Trong cuốn sách đó, tác giả thú thật là môn phái mình đã đi sai đường vì tập ngành công tuy có những thành tựu khi còn trẻ nhưng khi vừa qua tuổi trung niên là suy sụp một cách không sao cứu gỡ được.

[8] Xin xem thêm các lý thuyết đầy đủ của Tiến Sĩ /Võ Sư Dương Tuấn Mẫn (Yang Jwing-Ming) trong tủ sách võ thuật YMAA Publication Center

[9] vì ông phủ nhận tất cả những công đức xây chùa, tô tượng, đúc chuông mà nhà vua vẫn tự hào (Bồ Đề Đạt Ma ngữ lục)

[10] hiện nay ở Nam Cali cũng có người dạy phương pháp đeo vật nặng vào âm bộ gọi là Tẩy Tủy Công. Phương pháp này quả đúng là một trong những công phu của chùa Thiếu Lâm, có ghi rõ trong cuốn Thiếu Lâm công phu (Shaolin Kungfu) của China Pictorial Publishing House, 3rd Ed. 1996 do Bắc Kinh ấn hành trang 60, với hai tấm ảnh một nhà sư lỏa thể đang thi triển nâng một tảng đá 25 kg và kéo một bánh xe 250 kg bằng dây thừng buộc vào ngọc hành. Tuy nhiên chùa Thiếu Lâm thì gọi là Thiết Đương Công (hạ bộ sắt, iron crotch exercise, tiedangkung) hay Thiên Cân Trụ (one-thousand gin plummet, kianjinzhui). Không biết những nhà sư luyện công phu này để làm gì?

[11] Thiên Địa Hội là cái tên mà họ đưa ra ngoài, còn bên trong hội viên thì họ gọi là Hồng Môn Hội hay Hồng Môn (còn gọi là Hồng Bang hay Hồng Gia, Hồng là chữ Hán bỏ chữ Thô ở bên trong ý nói người Tàu bị mất nước). Những tên khác của hội như Tam Điểm Hội, Tam Hợp Hội, Thanh Thủy Hội, Trủy Thủ Hội, Song Dao Hội, Tiểu Dao Hội, Bát Quái Hội, Ca Lão Hội, Hồng Kỳ Hội, Kiếm Tử Hội, Chí Công Hội tuy biến thiên theo từng thời kỳ, từng địa phương nhưng truy nguyên cũng đều một gốc. Cũng có khi người ta gọi những tên khác như Quán Tử Hội, Bán Biên Thiết Hội, Nhất Cổ

Hương Hội, Hồng Hắc Hội, Hồng Bạc Giáo, Hắc Bạc Giáo, Kết Thảo Giáo, Trảm Thảo Giáo, Khổn Sài Giáo tùy theo tình hình, tùy theo địa phương mà phát triển, tất cả đều bình đẳng không hơn không kém, cũng không cạnh tranh, giành giật, cốt để cho khỏi bị quan quân đàn áp và tiêu diệt.

[12] Tài liệu này trích trong Shaolin Long Fist Kung Fu của Yang Jwing-Ming tr. 7 còn trong Shaolin Kung Fu (tr. 118) thì lại viết Hằng Lâm là phương trượng chùa Thiếu Lâm năm 1926 (có hình chụp đang chỉ huy tăng binh). Tuy nhiên theo phổ hệ thì chữ Hằng và chữ Diệu còn rất mới (phương trượng hiện nay là chữ Đức còn cao hơn chữ Hằng đến ba đời), xem ra có điều gì không ổn.

[13] Năm 1968 trong khi là sinh viên tập sự tại một quận lỵ ở Mỹ Tho, người viết có duyên gặp một võ sư Thiếu Lâm làm việc chung. Theo ông kể, sư phụ ông học võ chính gốc từ bên Tàu. Khi muốn xuống núi, người võ sinh phải đi qua 18 gian phòng chứa đầy tượng gỗ (mộc nhân) được vận chuyển bằng máy móc và phải làm sao thoát được tấn công mà không bị đánh ngã. Sau khi qua được rồi, cửa sau cùng là một đỉnh đồng chứa đầy than cháy đỏ, người võ sinh phải bung cái đỉnh đó để qua một bên để lấy lối ra. Cái đỉnh đó hai bên có hình hai con rồng và sẽ cháy sâu vào hai cánh tay người bị thử thách. Một cái vực ở ngay lối ra và người đó phải nhảy xuống để qua được bờ bên kia. Trong khi giao đấu và vượt qua những chướng ngại, những cao tăng sẽ quan sát và chấm điểm thí sinh và tùy theo tư chất mỗi người sẽ được bôi một loại thuốc nhuộm lên hai con rồng như một chứng chỉ tốt nghiệp, màu đỏ cao quý nhất, kế đó là màu xanh và thấp nhất là màu đen. Rất tiếc vì tình hình an ninh, chúng tôi không gặp được tận mặt vị võ sư Thiếu Lâm đó để nghiên cứu thêm nên việc đó thực hư thế nào nên tới nay vẫn không dám chắc. Về sau đọc lại sách vở viết về ngôi chùa cũng thấy đề cập tới thử thách này

nhưng lại chỉ nói tới hai con rồng xanh và đỏ mà thôi.

[14] Một luật gia người Việt Nam hiện đang là giáo sư đại học Bắc Kinh cho tôi hay phải trả \$US3000 cho một bài quyền học tại chùa Thiếu Lâm mà anh chọn cho con anh học.

[15] Ching-Ching Ni: In China's Kungfu Capital, Thousands Lunge for Glory, LA Times, April 21, 2001

[16] Không hiểu sao có đến hai đời mang chữ Tử

[17] Shaolin Kung Fu tr. 119. Theo bài này thì chúng ta thấy Kim Dung không theo phả hệ của nhà chùa mà đặt tên

[18] Việc ra trận hai bên dàn ra rồi tướng bên nọ gọi bên kia ra thách đấu hoàn toàn bịa đặt của những người viết tiểu thuyết chứ không hề có trên thực tế

[19] Người nào không biết chữ thì khai là không biết (vô hữu thức tự) tối đa có thể đổ đến Phó Bảng (dưới Tiến Sĩ một bậc)

[20] Toan Ánh: Nếp Cũ, Saigon 1965 (Xuân Thu tái bản tại hải ngoại, không đề năm) từ trang 118-124 và 142-152

[21] thường khi giao đấu chỉ diễn ra trong một thời gian rất ngắn, một vài miếng đã đến mức hơn thua chứ không có thể kéo dài hàng trăm hiệp, trăm chiêu như trong tiểu thuyết

[22] thuộc huyện Thanh Liêm, Hà Nam

[23] huyện Từ Liêm, Hà Đông

[24] Nguyễn Tuân: Vang Bóng Một Thời, Cảo Thơm, Saigon 1972 tr. 188 - 192

[25] chẳng hạn như Thần Đồng, Thiên Sư, Phượng Hoàng, Tứ Hải, Lão Mai, Ngọc Trản...

[26] cũng như cái áo dài tuy mới vẽ kiểu vài chục năm nay nhưng nay đã trở thành một biểu tượng của người Việt.

Nguồn: VietKiem
Được bạn: Thái Nhi đưa lên
vào ngày: 6 tháng 3 năm 2004